

Số: 2259 /QĐ-UBND

Khánh Hoà, ngày 28 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính cho phép nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, thực hiện bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16/6/2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;



Căn cứ Quyết định số 2545/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 1782/TTr-STTTT ngày 04/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính cho phép nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, thực hiện bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2757/QĐ-UBND ngày 26/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính cho phép thực hiện thanh toán trực tuyến phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính thông qua Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh Khánh Hòa; Quyết định số 1702/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận và giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 và Quyết định số 1844/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các tổ chức chính trị - xã hội thuộc tỉnh, các cơ quan thông tin đại chúng thuộc tỉnh, các tổ chức hội trên địa bàn tỉnh tổ chức phổ biến, tuyên truyền sâu rộng Quyết định này trong toàn ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cộng đồng doanh nghiệp và trong Nhân dân.

2. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trực tuyến; hướng dẫn cá nhân, tổ chức thực hiện thanh toán trực tuyến; thực hiện bưu chính công ích trên hệ thống Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến đối với tất cả các thủ tục hành chính thuộc Danh mục.

b) Thường xuyên rà soát, kiểm tra, đánh giá và tăng cường thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu quả cung cấp thủ tục hành chính trực tuyến, thanh toán trực tuyến, thực hiện bưu chính công ích, thu hút đông đảo người dân, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ.

c) Căn cứ vào tình hình thực tế, các cơ quan, địa phương chủ động rà soát và đề xuất sửa đổi, bổ sung danh mục thủ tục hành chính cho phép nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, thực hiện bưu chính công ích, gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.



3. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện việc cập nhật Danh mục thủ tục hành chính cho phép nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, thực hiện bưu chính công ích tại các cơ quan, địa phương vào hệ thống Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến, bảo đảm công tác triển khai cung cấp thủ tục hành chính trực tuyến, thanh toán trực tuyến, thực hiện bưu chính công ích được thực hiện đầy đủ, thông suốt và thuận lợi.

b) Thực hiện tốt công tác quản lý, vận hành Trung tâm Dữ liệu tỉnh, bảo đảm hệ thống Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến hoạt động ổn định, liên tục.

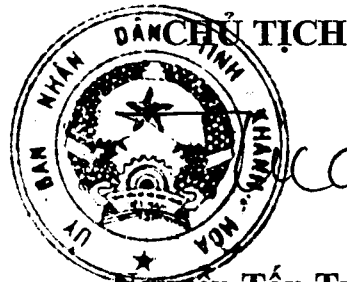
c) Theo dõi, tổng hợp, báo cáo tình hình triển khai thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến, thanh toán trực tuyến, thực hiện bưu chính công ích của các cơ quan, đơn vị, địa phương; rà soát, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các vướng mắc và tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ambur*

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (VBĐT);
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Các thành viên BCĐ CCHC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Công TTĐT CCHC tỉnh;
- Trung tâm CNTT&DVHCCTT tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, KSTTHC.



Nguyễn Tấn Tuân



Phụ lục

**THỰC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHO PHÉP NỘP HỒ SƠ TRỰC TUYẾN, THANH TOÁN TRỰC TUYẾN,
THỰC HIỆN BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 28 / 8 /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	STT (Thủ tục)	Mã quản lý quốc gia	Mã quy trình dịch vụ công nội bộ của tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả	Thực hiện BCCI	Mức độ thực hiện			Thanh toán trực tuyến
								Mức 2	Mức 3	Mức 4	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	1	1.000665.000.00.00.H32	003.09.021	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu D	Thương mại quốc tế	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X		X		
2	2	1.005383.000.00.00.H32	007.03.026	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X		X		
3	3	2.001906.000.00.00.H32	007.03.027.1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X	X			
4			007.03.027.2	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X	X			
5			007.03.027.3	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X	X			
6	4	2.001693.000.00.00.H32	007.03.028	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X		X		
7	5	2.001637.000.00.00.H32	007.03.029	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X	X			

STT	STT (Thủ tục)	Mã quản lý quốc gia	Mã quy trình dịch vụ công nội bộ của tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả	Thực hiện BCCI	Mức độ thực hiện			Thanh toán trực tuyến
								Mức 2	Mức 3	Mức 4	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
8	6	1.003928.000.00.00.H32	007.03.030	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X	X			
9	7	1.002430.000.00.00.H32	007.03.031	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X		X		
10	8	1.003285.000.00.00.H32	007.03.032	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X		X		
11	9	1.003343.000.00.00.H32	007.03.033	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X		X		
12	10	1.003255.000.00.00.H32	007.03.034	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X		X		
13	11	1.005382.000.00.00.H32	007.03.035	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X	X			
14	12	2.001911.000.00.00.H32	007.03.036	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ đối với dự án không thuộc diện Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X	X			
15	13	1.002365.000.00.00.H32	007.03.037	Quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh đối với dự án không thuộc diện Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X	X			
16	14	1.004668.000.00.00.H32	007.03.038.1	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ đối với dự án đầu tư không thuộc diện Cấp	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế	X	X			

STT	STT (Thủ tục)	Mã quản lý quốc gia	Mã quy trình dịch vụ công nội bộ của tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả	Thực hiện BCCI	Mức độ thực hiện			Thanh toán trực tuyến
								Mức 2	Mức 3	Mức 4	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
				Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)		Vân Phong					
17		1.004668.000.00.00.H32	007.03.038.2	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X	X			
18	15	2.000844.000.00.00.H32	007.03.039	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X		X		
19	16	2.001572.000.00.00.H32	007.03.040	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X		X		
20	17	2.001698.000.00.00.H32	007.03.041	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X		X		
21	18	2.001511.000.00.00.H32	007.03.042	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X		X		
22	19	2.001028.000.00.00.H32	007.03.043	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X		X		
23	20	1.003152.000.00.00.H32	007.03.044	Giãn tiến độ đầu tư (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X		X		
24	21	2.001602.000.00.00.H32	007.03.045.1	Chuyển nhượng dự án đầu tư đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X		X		
25			007.03.045.2	Chuyển nhượng dự án đầu tư đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc trường hợp quyết	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế	X		X		

STT	STT (Thủ tục)	Mã quản lý quốc gia	Mã quy trình dịch vụ công nội bộ của tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả	Thực hiện BCCI	Mức độ thực hiện			Thanh toán trực tuyến
								Mức 2	Mức 3	Mức 4	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
				định chủ trương đầu tư mà nhà đầu tư đã hoàn thành việc góp vốn, huy động vốn và đưa dự án vào khai thác vận hành (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)		Vân Phong					
26			007.03.045.3	Chuyển nhượng dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ - Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X	X			
27			007.03.045.4	Chuyển nhượng dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh - Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X	X			
28			007.03.045.5	Chuyển nhượng dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ - Trường hợp cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X	X			
29			007.03.045.6	Chuyển nhượng dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh - Trường hợp cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X	X			
30	22	1.003071.000.00.00.H32	007.03.046	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X		X		
31	23	2.001067.000.00.00.H32	007.03.047	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X		X		
32	24	2.001051.000.00.00.H32	007.03.048	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (Thuộc thẩm quyền giải	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế	X		X		

STT	STT (Thủ tục)	Mã quản lý quốc gia	Mã quy trình dịch vụ công nội bộ của tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả	Thực hiện BCCI	Mức độ thực hiện			Thanh toán trực tuyến
								Mức 2	Mức 3	Mức 4	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
				quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)		Vân Phong					
33	25	1.002387.000.00.00.H32	007.03.049	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X		X		
34	26	2.001042.000.00.00.H32	007.03.050	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Đầu tư tại Việt nam	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X		X		
35	27	2.001955.000.00.00.H32	009.04.006.2	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Lao động	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X		X		
36	28	2.002103.000.00.00.H32	009.04.007.2	Gửi thỏa ước lao động tập thể cấp doanh nghiệp (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Lao động	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X		X		
37	29	2.000205.000.00.00.H32	009.08.001.2	Cấp Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Việc làm	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X			X	X
38	30	2.000192.000.00.00.H32	009.08.002.2	Cấp lại Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Việc làm	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X			X	X
39	31	1.000105.000.00.00.H32	009.08.006.2	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Việc làm	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X	X			
40	32	1.000459.000.00.00.H32	009.08.007.2	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện Cấp Giấy phép lao động (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Việc làm	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X		X		
41	33	1.004954.000.00.00.H32	009.09.004.2	Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp (Thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong)	Tiền lương	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X		X		
42	34	3.000020.000.00.00.H32	013.01.024.1	Miễn, giảm tiền thuê đất trong Khu kinh tế trong thời gian xây dựng cơ bản	Quản lý công sản	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X		X		
43			013.01.024.2	Miễn, giảm tiền thuê đất trong Khu kinh tế theo quy định	Quản lý	Ban Quản lý	X		X		

STT	STT (Thủ tục)	Mã quản lý quốc gia	Mã quy trình dịch vụ công nội bộ của tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả	Thực hiện BCCI	Mức độ thực hiện			Thanh toán trực tuyến
								Mức 2	Mức 3	Mức 4	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
				pháp luật về đầu tư	công sản	Khu kinh tế Vân Phong					
44			013.01.024.3	Miễn, giảm tiền thuê đất trong Khu kinh tế trong thời gian tạm ngừng hoạt động	Quản lý công sản	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X		X		
45			018.05.001.8	Cấp Giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài - Trường hợp đối với công trình không theo tuyến (ngoại trừ các công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng)	Quản lý hoạt động xây dựng	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X			X	X
46	35	1.006949.000.00.00.H32	018.05.001.9	Cấp Giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài - Trường hợp đối với công trình theo tuyến trong đô thị (ngoại trừ các công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng)	Quản lý hoạt động xây dựng	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X			X	X
47			018.05.001.1 0	Cấp Giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài - Trường hợp theo giai đoạn đối với công trình không theo tuyến (ngoại trừ các công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng)	Quản lý hoạt động xây dựng	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X			X	X
48			018.05.001.1	Cấp Giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II;	Quản lý	Ban Quản lý	X			X	X

STT	STT (Thủ tục)	Mã quản lý quốc gia	Mã quy trình dịch vụ công nội bộ của tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả	Thực hiện BCCI	Mức độ thực hiện			Thanh toán trực tuyến
								Mức 2	Mức 3	Mức 4	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
			1	công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài - Trường hợp theo giai đoạn đối với công trình theo tuyến trong đô thị (ngoại trừ các công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng)	hoạt động xây dựng	Khu kinh tế Vân Phong					
49			018.05.001.1 2	Cấp Giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài - Trường hợp công trình theo dự án (ngoại trừ các công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng)	Quản lý hoạt động xây dựng	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X			X	X
50	36	1.007197.000.00.00.H32	018.05.002.3	Điều chỉnh Giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (ngoại trừ các công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng)	Quản lý hoạt động xây dựng	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X			X	X
51	37	1.007203.000.00.00.H32	018.05.003.2	Gia hạn Giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (ngoại trừ các công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng)	Quản lý hoạt động xây dựng	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X			X	X

STT	STT (Thủ tục)	Mã quản lý quốc gia	Mã quy trình dịch vụ công nội bộ của tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả	Thực hiện BCCI	Mức độ thực hiện			Thanh toán trực tuyến
								Mức 2	Mức 3	Mức 4	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
52	38	1.007207.000.00.00.H32	018.05.004.2	Cấp lại Giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (ngoại trừ các công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng)	Quản lý hoạt động xây dựng	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X			X	X
53	39	1.007187.000.00.00.H32	018.05.005.2	Cấp Giấy phép di dời công trình đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (ngoại trừ các công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng)	Quản lý hoạt động xây dựng	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X			X	X
54	40	1.007145.000.00.00.H32	018.05.006.3	Cấp Giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (ngoại trừ các công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hoá, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng)	Quản lý hoạt động xây dựng	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	X			X	X
55	41	2.000591.000.00.00.H32	003.01.001	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	An toàn thực phẩm	Sở Công Thương	X	X			X
56	42	2.000535.000.00.00.H32	003.01.002.1	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện - Trường hợp cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ mặt hàng kinh doanh	An toàn thực phẩm	Sở Công Thương	X			X	X